

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 166/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Địa chỉ: 266-268 NKKN, phường VTS, Q3, TP HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: TGD.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lê Quang T - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch CL.

Bị đơn: Ông Phương Nh - Sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Nh2 - Sinh năm 1981; địa chỉ: 162/76 ấp TTh xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phương Nh và bà Nguyễn Thị Nh2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN BT - PGD CL theo:

+ Hợp đồng tín dụng số 202025850492 ngày 09/11/2020 với số tiền nợ gốc, nợ lãi tổng số tạm tính đến ngày 30/11/2023: **307.265.000 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)**, trong đó tiền gốc là 274.820.000đồng và lãi là 32.445.000đồng.

+ Khoản vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1941862 ngày 07/03/2022 với số tiền nợ gốc, nợ lãi tổng số tạm tính đến ngày 30/11/2023: **142.440.885 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng)**, trong đó tiền gốc là 117.458.781 đồng và lãi là 24.982.104 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Phương Nh và bà Nguyễn Thị Nh2 phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/11/2023 là **449.705.885 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm lẻ năm nghìn tám trăm tám mươi lăm đồng)**.

Ông Phương Nh và bà Nguyễn Thị Nh2 phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất được thỏa thuận trong: Hợp đồng tín dụng số 202025850492 ngày 09/11/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1941862 ngày 07/03/2022 được ký kết giữa ông Phương Nh, bà Nguyễn Thị Nh2 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh BT - Phòng giao dịch CL đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 01/12/2023 đến khi thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

2.2. Trường hợp Ông Phương Nh, bà Nguyễn Thị Nh2 không thanh toán hết các khoản nợ theo: Hợp đồng tín dụng số 202025850492 ngày 09/11/2020 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1941862 ngày 07/03/2022 được ký kết giữa ông Phương Nh, bà Nguyễn Thị Nh2 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh BT - Phòng giao dịch CL thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1494,9m², mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm, đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã Sơn Định, huyện CL, tỉnh BT, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CX 570143 số vào sổ cấp GCN CS08149 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh BT, cấp ngày 04/09/2020 cho ông Phương Nh làm chủ sử dụng.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 10.994.000 đồng

Ông Phương Nh và bà Nguyễn Thị Nh2 có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.994.000đ (Mười triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 10.471.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007741 ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN

Đã ký tên và đóng dấu